

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Học.

2. Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Cụm 10, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội “Có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Cụm 9, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Thanh H trình bày như sau: Chị và anh Trần Thanh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội vào ngày 15 tháng 02 năm 2014. Sau khi cưới, vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Đến khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Hiện tại chị thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống không hạnh phúc cũng như tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, vợ chồng có một con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày

18/10/2015, hiện tại cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Bởi vì hàng tháng thu nhập của chị ổn định là hơn tám triệu/tháng.

Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại Bản tự khai và Đơn trình bày, anh Trần Thanh Đ trình bày như sau: Về thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H đi làm kế toán tại công ty bên ngoài nên hay đi làm về muộn nên anh nghi ngờ, anh khuyên chị H nghỉ làm nhưng chị không nghe. Từ khi chị H về nhà mẹ đẻ ở, hai bên gia đình cũng khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng về với nhau nhưng chị H vẫn không về. Nguyên vọng của anh là mặc dù có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn đó là bình thường có thể giải quyết được, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Bản thân anh vẫn còn yêu thương vợ nên không muốn ly hôn, anh sẽ thay đổi bản thân, quan điểm sống để cuộc sống vợ chồng hạnh phúc.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung với nhau là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 18/10/2015, hiện nay chị H đang nuôi dưỡng cháu. Nếu phải ly hôn thì anh xin được nuôi con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, vì anh cũng có thu nhập ổn định và anh sẽ đảm bảo nuôi con để cho con phát triển bình thường.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa hôm nay, chị H, anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Kiểm sát viên phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã tiến hành theo đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh H để xử cho chị H được ly hôn với anh Trần Thanh Đ. Về con chung: Đề nghị chấp nhận nguyện vọng của chị H, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ cho đến khi có yêu cầu mới. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Thanh Đ kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống chị H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều lần nên không thể sống chung với nhau được nữa. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn với anh Đ, Tòa án thụ lý yêu cầu của chị H là đúng trình tự theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Chị Đoàn Thị Thanh H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều lần, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai người đã sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay nên xin được ly hôn với anh Đ. Anh Đ thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, có thể bỏ qua cho nhau được, nên anh không muốn ly hôn, nhưng anh Đ cũng không có cách thức, biện pháp nào để cải thiện cuộc sống vợ chồng được tốt hơn. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đoàn Thị Thanh H.

[3]. Về con chung: Anh Đ, chị H có một con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 18/10/2015. Cả hai bên đều có nguyện vọng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu N hiện nay còn nhỏ, đang sống cùng với mẹ, về điều kiện thu nhập thì chị H có thu nhập ổn định hơn anh Đ, mặt khác để tạo điều kiện cho con nhỏ phát triển bình thường thì cần giao cho chị H nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh H: Chị Đoàn Thị Thanh H được ly hôn anh Trần Thanh Đ.

Về con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 18/10/2015 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xét.

Về án phí: Chị Đoàn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005608 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Chị Đoàn Thị Thanh H và anh Trần Thanh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PT;
- UBND xã Võng Xuyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Duy Chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT VỤ ÁN

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim Dung**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn Cự Lục, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Thế Cường**, sinh năm 1982;

ĐKKHKT: Thôn Cự Lục, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành hình phạt tại Trại giam Thanh Xuân ở xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Kim Dung và anh Hoàng Thế Cường kết hôn có tìm hiểu, thỏa thuận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội vào ngày 09/12/2005. Sau khi được hai gia đình tổ chức cưới thì vợ chồng ở chung với gia đình anh Cường tại Thôn Cự Lục, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình sống với nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau nên luôn bất đồng quan điểm sống. Ngày 04/3/2010, anh Cường đã phạm tội Giết người và bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 20 năm tù và hiện anh Cường đang phải chấp hành hình phạt tại Trại giam Thanh Xuân ở xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không quan tâm đến nhau. Do vợ chồng sống với nhau không còn tình cảm, anh Cường đi tù chị Dung không thể chờ đợi được nên chị xin được ly hôn anh Cường.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

- Tại bản tự khai tại trại giam Thanh Xuân, bị đơn anh Hoàng Thế Cường thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Dung là đúng. Theo anh Cường, sau khi kết hôn anh và chị

Dung chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận. Năm 2010 anh cường phạm tội Giết người và bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử 20 năm tù. Hiện nay anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân. Và cũng từ đó hai vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị Dung làm đơn xin ly hôn, ý kiến của anh là đồng ý ly hôn để giải phóng cho cả hai và anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử vắng mặt.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Ngoài yêu cầu, đề nghị trên thì anh Cường không có yêu cầu và đề nghị gì khác.

NHẬN XÉT:

- Về tố tụng: Anh Hoàng Thế Cường vắng mặt tại phiên tòa do anh đang phải chấp hành hình phạt tù và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 199; Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi và bổ sung năm 2011 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Dung và Hoàng Thế Cường kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 09/12/2005 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị Dung và anh Cường đã có thời gian sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do hai bên có tính cách và lối sống không hợp nhau. Năm 2010, anh Cường phạm tội Giết người và hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Xuân. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2010.

Như vậy, giữa chị Dung và anh Cường vợ chồng đã có mâu thuẫn xảy ra, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung giữa hai bên không còn tồn tại, mục đích của việc kết hôn không đạt được. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Dung kiên quyết xin được ly hôn anh Cường, vì theo chị tình cảm của chị với anh Cường không còn và anh Cường hiện đang phải chấp hành án nên chị không thể chờ đợi được.

Xét chị Dung kiên quyết xin ly hôn và tình cảm của chị Dung với anh Cường không còn, vợ chồng đã có mâu thuẫn, mục đích quan hệ hôn nhân không đạt được nên chấp nhận và xử cho chị Dung được ly hôn với anh Cường.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Dung, anh Cường đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ cũng không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

ĐỀ XUẤT:

Áp dụng các Điều 89; 91 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự;
Khoản 8 điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị Thịnh được ly hôn anh Hoàng Thế Cường.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

THẨM PHÁN BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

Kiều Duy Chính